

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/KDTM-PT

Ngày: 25/5/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà.

Các Thẩm phán: Ông Mai Tấn Hoàng

Ông Nguyễn Hữu Trúc.

- *Thư ký phiên tòa:* Nguyễn Thị Thanh Trà –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 80/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Địa chỉ: 198 đường TQK, phường L, quận H, Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân Th – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hồng Th – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên. Địa chỉ: 192 – 194 – 196 đường H, phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông Phạm Hồng Th ủy quyền cho ông Hà Đức Th – Chức vụ: Trưởng Phòng Giao dịch huyện Đ, Ngân hàng TMCP Ngoại

thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên; Địa chỉ: Tòa nhà Bưu điện Quốc lộ 1A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Ông Th có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh N – sinh năm 1968, bà Nguyễn Thị Ngọc H – sinh năm 1973; Địa chỉ: khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Ông N vắng mặt, bà H có mặt.

Người kháng cáo: bị đơn vợ chồng ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Theo hợp đồng vay vốn ngày 03 tháng 5 năm 2018, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên, phòng giao dịch huyện Đ cho bị đơn vợ chồng ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Ngọc H vay vốn số tiền 350.000.000đ, lãi suất vay 9,5%/năm, lãi quá hạn 14,25%, thời hạn vay từ ngày vay 03/5/2018 đến hạn trả nợ cuối cùng 02/5/2019, định kỳ trả nợ lãi hàng tháng.

Để đảm bảo khoản vay, bị đơn đã thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 308, tờ bản đồ 20, diện tích 365,5m² tọa lạc tại Khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 362219, số vào sổ cấp GCN: CH 06103 do UBND huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp ngày 23 tháng 9 năm 2015 cho ông Trần Thanh N và bà Nguyễn Thị Ngọc H).

Đến nay đã quá hạn thời gian trả nợ theo hợp đồng, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần làm việc, động viên ông N, bà H trả nợ lãi và gốc theo định kỳ đã ký kết nhưng vợ chồng ông N, bà H chỉ trả được nợ gốc là 150.000.000đ, nợ lãi là 16.032.877đ. Tính đến ngày 14 tháng 02 năm 2020, ông N, bà H còn nợ ngân hàng hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên, phòng giao dịch huyện Đ số tiền 248.956.780đ (trong đó: gốc 199.973.415đ, lãi 38.364.252, lãi phạt 10.619.113đ). Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông N, bà H trả nợ số tiền nêu trên. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện hiện không đầy đủ, Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay số tiền 350.000.000đ, lãi suất vay 9,5%/năm, lãi quá hạn 14,25%, thời hạn vay từ ngày 03/5/2018 đến hạn trả nợ cuối cùng 02/5/2019, định kỳ trả nợ lãi hàng tháng, thế chấp tài sản bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay ngân hàng như đại diện ngân hàng trình bày. Tính đến ngày 14 tháng 02 năm 2020, vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên, phòng giao dịch huyện Đ số tiền 248.956.780đ (Trong đó, gốc

199.973.415đ, lãi 38.364.252, lãi phạt 10.619.113đ). Nay vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, xin trả dần mỗi tháng 20.000.000đ, từ tháng 3/2020 đến khi trả hết nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định: Căn cứ các Điều 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn vợ chồng ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh Phú Yên, phòng giao dịch huyện Đ tổng số 248.956.780 đồng (*Hai trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm tám mươi đồng*); trong đó vốn gốc: 199.973.415 đồng, lãi tính đến ngày 14/02/2020 là: 48.983.365đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 14/02/2020 theo cam kết trong hợp đồng vay giữa ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Ngọc H với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh Phú Yên, phòng giao dịch huyện Đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà H, ông N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà H, ông N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh Phú Yên, phòng giao dịch huyện Đ có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp cụ thể: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 308, tờ bản đồ 20, diện tích 365,5m² tọa lạc tại Khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Ngọc H số CB362219, sổ vào sổ cấp GCN: CH 06103 và tài sản gắn liền trên đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, bị đơn vợ chồng ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị được trả nợ dần cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện
- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Thanh N vắng mặt lần hai không có lý do, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét mục đích vay vốn của bị đơn thể hiện tại Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 0518/HDTD-NTNH, phương án sử dụng vốn, giấy nhận nợ số 01 cùng ký ngày 03/5/2018 là bổ sung vốn kinh doanh. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận mục đích bị đơn vay vốn để bổ sung vốn kinh doanh quán ăn, mua bán thịt bò, do đó, cần xác định lại quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, thuộc loại án tranh chấp về kinh doanh thương mại và điều chỉnh lại án phí cho phù hợp danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Ngọc H và lời trình bày của bị đơn Nguyễn Thị Ngọc H tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 0518/HDTD-NTNH, phương án sử dụng vốn, giấy nhận nợ số 01 cùng ký ngày 03/5/2018, vợ chồng bị đơn ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Ngọc H đã vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên, phòng giao dịch huyện Đ số tiền gốc là 350.000.000đ, với lãi suất 9,5%/năm, quá hạn 14,25%/năm, hạn trả nợ cuối cùng ngày 27/4/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn ông N, bà H chỉ trả được nợ gốc 150.000.000đ, nợ lãi 16.032.877đ. Nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/02/2020, vợ chồng bị đơn ông N, bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là

248.986.780đ đồng (trong đó nợ gốc 199.973.415 đồng, nợ lãi là: 48.983.365 đồng), do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số nợ trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn kháng cáo xin được trả dần số nợ trên, mỗi tháng trả 20.000.000đ từ tháng 3/2020 cho đến khi hết nợ nhưng không được nguyên đơn chấp nhận, tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông N, bà H cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bị đơn kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo tiêu mục 2.2 mục 2 đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại tại danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn vợ chồng ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ủy quyền cho Chi nhánh Phú Yên, phòng giao dịch huyện Đ) tổng số tiền là 248.956.780 đồng (*Hai trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm tám mươi đồng*)(trong đó nợ gốc: 199.973.415 đồng, lãi tính đến ngày 14/02/2020 là: 48.983.365đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/02/2020), nếu bị đơn ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Ngọc H chưa thanh toán xong số tiền nói trên thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 0518/HDTD-NTNH ngày 03/5/2018. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông N,

bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên, phòng giao dịch huyện Đ có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 308, tờ bản đồ 20, diện tích 365,5m² tọa lạc tại Khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 362219, số vào sổ cấp GCN: CH 06103 do UBND huyện Đ, tỉnh Phú Yên cấp ngày 23/9/2015 cho ông Trần Thanh N và bà Nguyễn Thị Ngọc H).

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Ngọc H chịu 12.447.000đồng (*Mười hai triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 2.000.000đ án phí dân sự phúc thẩm (được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu tiền số 03360 ngày 03/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên, phòng giao dịch huyện Đ 9.314.000 đồng (*Chín triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0014077 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện Đ (2);
- CCTHADS huyện Đ;
- P.GĐKT;
- VP-TNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà